

Số: 51 /QĐ-BQLVQGPB

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thông số kỹ thuật và dự toán Mua sắm Ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tuần tra quản lý và bảo vệ rừng thuộc dự án Vườn quốc gia Phước Bình giai đoạn năm 2016 - 2020

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý công trình đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý công trình đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Vườn quốc gia Phước Bình, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 7/8/2017 và được sửa đổi; bổ sung tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh tên chủ đầu tư dự án Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Văn bản số 3359/UBND-KHTH ngày 8/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thống nhất chủ trương triển khai thực hiện mua sắm xe ô tô;

Theo hồ sơ báo giá xe ô tô do hãng xe cung cấp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Ban Quản lý Vườn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thông số kỹ thuật và dự toán Mua sắm Ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tuần tra quản lý và bảo vệ rừng thuộc dự án Vườn Quốc gia Phước Bình giai đoạn năm 2016-2020 với những nội dung chính như sau:

1. Thông số kỹ thuật của Ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tuần tra quản lý và bảo vệ rừng:

Phiên bản: Xe Ford Ranger XLT MT 4x4	
Hệ thống phanh	
Phanh trước	Đĩa
Phanh sau	Tang trống
Cỡ lốp	265/65 R17
Bánh xe	Vành hợp kim nhôm đúc 17"
Hệ thống treo	
Hệ thống treo trước	Độc lập, cánh tay đòn kép, lò xo xoắn trụ và ống giảm chấn
Hệ thống treo sau	Loại nhíp với ống giảm chấn
Kích thước và trọng lượng	
Khoảng sáng gầm xe (mm)	200
Dài x Rộng x Cao (mm)	5362 x 1860 x 1830

Chiều dài cơ sở (mm)	3220
Dung tích thùng nhiên liệu (lít)	80
Động cơ	
Dung tích xi lanh (cc)	2198
Hệ thống dẫn động	Hai cầu chủ động 4x4
Động cơ	Turbo Diesel 2.2L i4 TDCi
Công suất cực đại	160 Hp
Mô men xoắn cực đại	385Nm
Hộp số	Số tay 6 cấp
Trợ lực lái	Trợ lực lái điện
Trang thiết bị ngoại thất của Ford Ranger XLT MT 4x4	
Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước	Projector với khả năng tự động bật tắt bằng cảm biến ánh sáng
Cảm biến gạt mưa tự động	Có
Đèn sương mù	Có
Gương chiếu hậu điều bên ngoài	Gập điện, chỉnh điện, Chrome
Trang thiết bị bên trong xe Ford Ranger XLT MT 4x4	
Điều hòa nhiệt độ	Điều chỉnh tay
Vật liệu ghế	Ni cao cấp
Tay lái	Bọc da
Ghế lái trước	Ghế lái chỉnh tay 6 hướng.
Gương chiếu hậu trong	Điều chỉnh tay 2 chế độ ngày/đêm
Cửa kính điều khiển điện	Có (1 chạm lên xuống tích hợp chức năng chống kẹt bên người lái)
Hệ thống âm thanh	AM/FM, CD 1 đĩa, MP3, iPod & USB, Bluetooth, 6 loa.
Công nghệ giải trí SYNC	Điều khiển giọng nói SYNC Gen 1
Điều khiển âm thanh trên tay lái	Có

Trang thiết bị An toàn Ford Ranger XLT MT 4x4	
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Cảm biến phía sau
Túi khí phía trước	Có
Hệ thống kiểm soát hình trình	Ga tự động
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS & phân phối lực phanh EBD	Có

2. Tổng dự toán đầu tư là: **895.631.300 đồng**, trong đó:

- Chi phí trang thiết bị	:	817.480.800 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	19.113.900 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư thực hiện	:	8.265.740 đồng
- Chi phí khác	:	8.121.750 đồng
- Chi phí dự phòng	:	42.649.110 đồng

Điều 2. Phòng Kế hoạch - Tài chính Ban Quản lý Vườn phối hợp cùng đơn vị tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các công việc nêu tại Điều 1 theo đúng Luật Đấu thầu và theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý Vườn quốc gia Phước Bình và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở: Kế hoạch & Đầu tư;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT;



Nguyễn Công Vân



BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ: VƯỜN QUỐC GIA PHƯỚC BÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Đính kèm Quyết định số 51 /QĐ-BQLVQG PB ngày 11/8/2019 của Ban Quản lý Vườn quốc gia Phước Bình)

Stt	Khoản mục chi phí	Hệ số	Giá trị (đồng)
I	Tổng chi phí thiết bị		817.480.800
	- Ô tô chuyên dùng phục vụ công tác tuần tra quản lý và bảo vệ rừng	Gtb	754.000.000
	+ Thuế trước bạ (Gtb * 6%)	6%	45.240.000
	+ Phí bảo hiểm vật chất (Gtb * 1,62%)	1,62%	12.214.800
	+ Phí bảo hiểm dân sự		1.076.000
	+ Phí đường bộ (12 tháng)		2.160.000
	+ Phí đăng kiểm		340.000
	- Phí hỗ trợ đi đăng ký đăng kiểm		2.000.000
	+ Phí đăng ký biển số xe + mica biển số		450.000
II	Chi phí quản lý dự án (Gql = Gtb/1,1*2,788%)	2,535%	19.113.900
III	Chi phí tư vấn đầu tư thực hiện		8.265.740
1	Chi phí thẩm định giá thiết bị (Gtb * 0,55%)	0,55%	4.147.000
2	Chi phí lập HSYC và phân tích đánh giá HSDX thiết bị (Gtb * 0,281%)	0,281%	2.118.740
3	Chi phí thẩm định HSYC + kết quả lựa chọn nhà thầu thiết bị	Tối thiểu	2.000.000
VI	Chi phí khác		8.121.750
1	Lệ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán (TMĐT*0,461%*50%)	0,231%	1.959.250
2	Chi phí kiểm toán (TMĐT*0,725%)	0,725%	6.162.500
V	Cộng I+II+III+IV		852.982.190
VI	Chi phí dự phòng	5% * V	42.649.110
	Tổng cộng(V+VI):		895.631.300

* Ghi chú: Các hệ số tính trong chi phí Quản lý dự án, Chi phí Tư vấn DTXD và Chi phí khác được lấy theo đúng hệ số trong quyết định phê duyệt số 121/QĐ-UBND ngày 22/01/2018

